ベトナム科学の「内力」

Le Tam Tri

学際的社会研究 (ISR) センター

フェニカー大学 (Phenikaa University)、ベトナム

2021 年 11 月 1 日

ベトナム科学の「内力」というのは国内科学能力、つまり、ベトナム組織に属しておるベトナム国籍の研究者たちである。

毎年、Scopus データベースより世界上位の被引用回数の科学者 10 万人リストは公開される。これは科学界にとって大きな関心事である。2021 年、リストは引き続き更新されておる[1]。今年の生涯の成果よりトップ 10 万被引用回数の高い科学者リストにはベトナム国内科学者の人数が 22 人 (2019 年はゼロであった)、単年リストには 65 人である (2019 年は 10 人であった) [2]。近年この上位 10 万人リストにはベトナム人研究者が急増しておる。

authfull	inst_name	np6020	firstyr	lastyr
Nguyen-Xuan, H.	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí	219	2008	2021
Duc, Nguyen Dinh	Vietnam National University Hanoi	140	1996	2021
Tuy, Hoang	Hanoi Institute of Mathematics	111	1971	2018
Son, Le Hoang	Vietnam National University Hanoi	180	2010	2021
Khoa, Dao T.	Vietnam Atomic Energy Institute	94	1985	2021
Van Hung, Pham	International University, Vietnam Na	53	2004	2021
Phat, Vu N.	Vietnam Academy of Science and Te	125	1988	2021
Van Hieu, Nguyen	Phenikaa University	142	2004	2021
An, Nguyen Ba	Vietnam Academy of Science and Te	94	1981	2021
Nam, Nguyen Hai	Hanoi College of Pharmacy	84	1999	2021
Tran, Hai Nguyen	Duy Tan University	67	2016	2021
Bui, Hung	VinAI Research	86	1995	2021
Hoang, Nhat Duc	Duy Tan University	82	2012	2021
Pham, Binh Thai	University of Transport Technology	93	2016	2021
Hoang, Anh Tuan	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí	56	2017	2021
Nam, Nguyen Dang	Duy Tan University	118	2008	2021
Nguyen, Trung Kien	University of Transport and Commun	52	2007	2021
Hien, Le Van	Hanoi National University of Educati	61	2005	2021
Dao, Van Duong	Phenikaa University	96	2011	2021
Thai, Chien H.	Ton-Duc-Thang University	61	2010	2021
Hoang, Vo Van	Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí	61	1996	2021
Vuong, Quan Hoang	Phenikaa University	96	2011	2021

写真：上記の研究の生涯の成果リストよるベトナムの科学「内力」のトップ 22 人[2]

(<https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/su-that-ve-noi-luc-viet-nam-trong-trich-dan-khoa-hoc-hang-dau-the-gioi-2021-20211030083557165.htm>)

生涯リストには私立大学の Phenikaa 大学と Duy Tân 大学からの研究者が多い。この生涯リスト内の研究者たちは科学能率が高い上長の研究者である。

Hoàng Tụy 博士はいなくなったが、彼の作品は今でも国際科学界に関心を持っており、人類のために貢献すれば、研究者はいなくなったとしても、ある意味で永遠に生きることができる。

ベトナムの科学にとって国際協力が重要で、近年国内研究能力はもっと強く発展しておる[3]。人文社会科学の状況も改善され、出版物の数の増加は明らかに見える[4]。

研究者の努力のおかげで、今ベトナム科学とその「内力」は世界中でよく認められる。この成果は適切な科学発展政策からである[5, 6]。どの国でも才能のある科学者が存在し、発展途上国の科学者たちにとっては今のより平等でグローバル化した世界が大きなチャンスであろう。

参照資料

1. Baas, J., Boyack, K., & Ioannidis, J. P. A. (2021). August 2021 data-update for “Updated science-wide author databases of standardized citation indicators.” *Elsevier BV*.
<https://doi.org/10.17632/btchxktzyw.3>
2. Lê Văn Út. (2021). Sự thật về nội lực Việt Nam trong trích dẫn khoa học hàng đầu thế giới 2021. *Dân Trí* (Oct. 30, 2021). Retrieved from: <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/su-that-ve-noi-luc-viet-nam-trong-trich-dan-khoa-hoc-hang-dau-the-gioi-2021-20211030083557165.htm>
3. Nguyen, T. V., Ho-Le, T. P., & Le, U. V. (2017). International collaboration in scientific research in Vietnam: an analysis of patterns and impact. *Scientometrics*, 110(2), 1035-1051.
4. Vuong, Q.-H., et al. (2018). An open database of productivity in Vietnam's social sciences and humanities for public use. *Scientific Data*, 5, 180188.
<https://doi.org/10.1038/sdata.2018.188>
5. Vuong, Q.-H. (2018). The (ir)rational consideration of the cost of science in transition economies. *Nature Human Behaviour*, 2(1), 5. <https://doi.org/10.1038/s41562-017-0281-4>
6. Vuong, Q.-H. (2019). Breaking barriers in publishing demands a proactive attitude. *Nature Human Behaviour*, 3(10), 1034. <https://doi.org/10.1038/s41562-019-0667-6>